TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/07/2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Điều**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Mến**

Bà **Trần Thị Kim Đồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: Ấp Q, thị trấn Cây D, huyện C, tỉnh Hậu Giang

(Đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/03/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Trần Thị N và bị đơn anh Nguyễn Chí T thành hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 29/07/2008. Thời gian chung sống được khoảng 26 năm, lúc đầu sống hạnh phúc đến năm 2019 vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, hiện vợ chồng không chung sống từ năm 2019 đến nay. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 16/01/1999; Nguyễn Nhựt T, sinh ngày 21/03/2006 và Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 13/06/2014 hiện đang sống với chị N. Chị N thống nhất sau khi ly hôn Nguyễn Nhựt H đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết, chị giao Nguyễn Nhựt Tính cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, còn Nguyễn Thị Kim Y hiện đang ở cùng chị N nên chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản hòa giải ngày 21/4/2023, bị đơn là anh Nguyễn Chí T trình bày: Anh T thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, con chung như chị N trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không chung sống khoảng 03 năm nay. Anh xác định còn thương chị N, xin được đoàn tụ nuôi dạy con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trần Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn và giải quyết việc nuôi con với anh Nguyễn Chí T, địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con " thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Trần Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Chí T vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Nguyên đơn Trần Thị N và bị đơn anh Nguyễn Chí T thành hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1997, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiện Mỹ,

huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 29/07/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Thời gian chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh T. Anh T xin được đoàn tụ để nuôi dạy con chung, anh xác định vợ chồng không chung sống khoảng 03 năm nay không đoàn tụ được, Tòa án hòa giải giúp đỡ vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Điều này chứng tỏ rằng tình cảm giữa chị N và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị N, xử cho chị N ly hôn anh T là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 16/01/1999; Nguyễn Nhựt T, sinh ngày 21/03/2006 và Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 13/06/2014 hiện đang sống với chị N. Chị N thống nhất sau khi ly hôn do Nguyễn Nhựt H đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết, chị giao Nguyễn Nhựt T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, còn Nguyễn Thị Kim Y hiện đang ở cùng chị N nên chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét việc giao 02 con chung Nguyễn Nhựt T cho anh T và Nguyễn Thị Kim Y cho chị N nuôi dưỡng là tự nguyện, phù hợp nguyện vọng của các con, nên giao con chung Nguyễn Nhựt T cho anh T nuôi dưỡng và chị N nuôi dưỡng Nguyễn Thị Kim Y, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp các điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị N nộp án phí 300.000 đồng, cấn trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị N đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị N. Xử cho chị Trần Thị N ly hôn anh Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Nhựt T, sinh ngày 21/3/2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 13/6/2014 cho chị N nuôi dưỡng, anh T, chị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Buộc chị Trần Thị N nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị N đã nộp theo biên lai thu số 0003945 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Điều

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- UBND xã Thiện Mỹ (số 82 ngày 29-7-2008);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.